

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20 /2014/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 28 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc sử dụng chung cột điện để treo cáp viễn thông và chỉnh trang làm gọn cáp viễn thông treo trên cột điện trên địa bàn tỉnh Bến Tre

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ... S. Ngày: 04/8.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 501/TTr-STTTT ngày 22 tháng 7 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc sử dụng chung cột điện để treo cáp viễn thông và chỉnh trang làm gọn cáp viễn thông treo trên cột điện trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Giám đốc

Công ty Điện lực Bến Tre và các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ TP (để kiểm tra);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (thay báo cáo);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Đài PTTH, Báo Đồng khởi (để đưa tin);
- UBND các huyện, thành phố;
- Các PCVPNC UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh (2b);
- Phòng Tiếp công dân (để niêm yết);
- Phòng NC: VHXX, TH;
- Trung tâm Tin học;
- Lưu: VT.



Võ Thành Hạo

QUY ĐỊNH

Về việc sử dụng chung cột điện để treo cáp viễn thông và chỉnh trang làm gọn cáp viễn thông treo trên cột điện trên địa bàn tỉnh Bến Tre

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20 /2014/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định việc sử dụng chung cột điện để treo cáp viễn thông, chỉnh trang làm gọn cáp viễn thông, tổ chức thi công treo cáp viễn thông, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tham gia quản lý và treo cáp viễn thông trên cột điện trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với đơn vị có cột điện, các đơn vị sử dụng chung cột điện để treo cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đơn vị có cột điện gồm: Công ty Điện lực Bến Tre, các doanh nghiệp viễn thông, các đơn vị chiếu sáng công cộng và các đơn vị khác có cột điện trên địa bàn tỉnh.

2. Đơn vị sử dụng chung cột điện gồm: Các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp viễn thông, internet, truyền hình cáp, Đài Truyền thanh cấp huyện, xã, đơn vị Quân đội, Công an và các đơn vị quản lý đường dây chiếu sáng công cộng.

3. Cáp viễn thông là tên các loại cáp được dùng để truyền thông tin trong mạng viễn thông gồm (cáp đồng, cáp quang): cáp điện thoại, cáp internet, cáp truyền hình, cáp truyền thanh.

4. Cột điện bao gồm các cột: bê tông vuông, bê tông ly tâm, cột thép do các đơn vị chủ có cột điện đầu tư và quản lý.

5. Lỗ leo cột điện: lỗ dùng cho công nhân điện leo lên cột bằng dụng cụ, và đứng trên cột để công tác. Lỗ có đường kính 18 mm xuyên qua tâm trụ, lỗ có khoảng cách đều nhau 425 mm từ mặt đất đến lỗ lắp đà.

6. Cáp phối là cáp viễn thông nối giữa các tủ cáp hoặc cáp nối từ các tủ cáp tới các hộp cáp. Cáp phối còn gọi là cáp ngọn hay cáp thứ cấp.

7. Cáp thuê bao: Cáp thuê bao là đoạn cáp viễn thông từ hộp cáp, hồ cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình đến thiết bị đầu cuối đặt trong nhà thuê bao. Cáp thuê bao còn gọi là cáp vào nhà thuê bao hay dây thuê bao.

8. Hộp cáp là một kết cấu dạng hộp, đủ lớn bằng kim loại hoặc polyme kín, chống được nước mưa, trong đó có các phiên đầu dây dùng để nối cáp phối với cáp thuê bao.

9. Thành phần kim loại là bộ phận bằng kim loại của cáp không dùng để truyền dẫn tín hiệu như: vỏ bảo vệ, dây tiếp đất, màng ngăn ẩm hoặc thành phần gia cường cho cáp.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Cáp viễn thông được lắp đặt chung trên hệ thống cột điện hiện có tại các khu vực mà chưa thể thực hiện hạ ngầm hoặc không thể xây dựng cột treo cáp viễn thông riêng biệt.

2. Trước khi sử dụng chung cột điện phải có sự đồng ý bằng văn bản thỏa thuận về phương pháp thực hiện với đơn vị có cột điện và đảm bảo theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các đơn vị sử dụng chung cột điện được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu đối với cáp viễn thông của mình trên cột điện trong đầu tư, phát triển, vận hành, duy tu bảo dưỡng và thu hồi theo quy định của pháp luật và theo Quy định này.

4. Tại các khu vực đã có quy hoạch xây dựng ngầm hóa cáp viễn thông, việc treo cáp viễn thông thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

5. Cáp viễn thông chỉ được treo trên cột điện khi cột được thiết kế an toàn và đảm bảo tải trọng cho phép.

6. Cáp viễn thông khi được treo trên cột điện phải đảm bảo mỹ quan đô thị, phù hợp với quy hoạch và các quy định của cơ quan quản lý ở địa phương.

7. Không được treo cáp viễn thông trên cột điện lực nếu vi phạm các quy định tại mục 2.1 điểm 2.1.1.2 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT (QCVN 33:2011) về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông và theo quy định của đơn vị có cột điện.

8. Các đơn vị, doanh nghiệp sử dụng cột điện treo cáp viễn thông phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng, trường hợp đặc biệt, khẩn cấp phục vụ phòng chống thiên tai, lụt bão hoặc lắp tạm để phục vụ hội nghị, lễ hội do cấp có thẩm quyền tổ chức (cấp phép) thì thực hiện theo khoản 3 Điều 10 của Quy định này.

9. Chỉ được sử dụng chung cột điện để treo cáp viễn thông khi đã thực hiện tốt việc chỉnh trang, làm gọn cáp theo Quy định này.

10. Khi di dời cột điện để giải phóng mặt bằng theo quyết định thu hồi đất của nhà nước, các đơn vị thuê sử dụng chung cột điện phải chấp hành theo tiến độ mà chủ dự án đã thống nhất với đơn vị có cột điện.

Chương II

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG CHUNG CỘT ĐIỆN ĐỂ TREO CÁP VIỄN THÔNG

Điều 5. Điều kiện sử dụng chung cột điện của đơn vị có cột điện

1. Các đơn vị có nhu cầu sử dụng cột điện để treo cáp viễn thông, phải có đề nghị và được sự đồng ý của đơn vị có cột điện bằng văn bản.

2. Đối với đường dây điện lực trên không có cấp điện áp dưới 110 kV, cáp viễn thông phải treo phía dưới đường dây trên không; khoảng cách nhỏ nhất giữa cáp viễn thông và dây điện lực thực hiện đúng theo quy định tại QCVN 33:2011 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT. Vỏ kim loại của cáp tại các hộp cáp phải được nối đất, khoảng cách giữa hai điểm tiếp đất gần nhau nhất không lớn hơn 300 mét.

3. Đối với đường dây điện lực trên không, có cấp điện áp từ 110 kV, thì không được treo cáp viễn thông.

4. Tại các cột điện có treo máy biến áp, tụ bù hoặc có lắp đặt các thiết bị thao tác đóng cắt, phải thực hiện các giải pháp tăng cường đảm bảo vận hành an toàn cho các thiết bị và không gây cản trở việc kiểm tra, thao tác các thiết bị trong vận hành của Công ty Điện lực Bến Tre. Đối với các trạm biến áp là trạm giàn thì dây cáp viễn thông phải đi phía dưới xà đỡ máy biến áp và phải được đặt trong ống bảo vệ (ống nhựa, ống xoắn ruột gà).

5. Tại các vị trí vượt đường giao thông, vượt sông ngòi, kênh rạch phải đảm bảo độ cao treo cáp theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật quy định và phải có biển báo độ cao vượt đường giao thông, vượt sông theo quy định.

6. Hệ thống cáp viễn thông treo trên cột điện không được vượt quá kết cấu chịu lực làm rạn nứt, cong, nghiêng gây đổ ngã cột điện, không được gây cản trở công tác duy tu, kiểm tra, sửa chữa, thay thế thiết bị điện của đơn vị có cột điện.

7. Hệ thống cáp viễn thông hiện hữu treo móc trên cột điện chưa phù hợp kỹ thuật, an toàn thì đơn vị sử dụng chung cột điện phải khắc phục hoàn thiện theo Quy định này và hướng dẫn của đơn vị có cột điện.

Điều 6. Yêu cầu về kỹ thuật treo cáp viễn thông trên cột điện

1. Mỗi nối cáp trên cột điện phải đảm bảo cách điện và không được ở giữa khoảng cột.

2. Không cho phép treo cáp viễn thông trên cột trong các trường hợp sau:

a) Cáp viễn thông treo bằng cách quấn xung quanh thân cột;

b) Sử dụng bù lon xoắn qua lỗ leo cột để lắp đặt cáp, hộp nối, ống nhựa bảo vệ cáp xuống đất;

c) Để dư nhiều vòng trên cột với đường kính bó cáp lớn hơn 900mm và không có khung treo cáp;

d) Cột bị nghiêng chưa sửa chữa, cột của đường dây điện đang thi công và cột chuẩn bị di dời. Đối với trường hợp cột treo cáp chuẩn bị di dời, đơn vị chủ quản cột treo cáp phải chứng minh nội dung di dời, hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thời gian thực hiện di dời;

3. Cáp viễn thông có thành phần kim loại treo trên cột trạm biến áp phân phối phải được tăng cường bảo vệ bằng ống nhựa. Cáp không được giao chéo, nằm ngang với dây trung thế (dây dẫn sơ cấp), thân máy biến áp của trạm mà phải đi phía dưới đà đỡ máy biến áp.

4. Chỉ cho phép cáp phối trên cột vượt đường giao thông có ô tô qua lại, qua các công trình có tầm quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng, qua những nơi thường xuyên tập trung đông người, qua các khu di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh được nhà nước xếp hạng khi cột điện có hệ số an toàn chịu lực lớn hơn 2 lần.

5. Cáp vượt qua đường giao thông, qua cầu, qua sông trên sợi cáp thấp nhất và tại vị trí thấp nhất phải treo biển báo độ cao.

6. Khi trên cột điện được treo nhiều cáp phối, cáp thuê bao thì cáp phải được bó gọn gàng, đảm bảo mỹ quan, không gây cản trở giao thông và người qua lại.

Điều 7. Về thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo hệ thống cột điện sử dụng chung

1. Đơn vị có cột điện phải có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng cột điện, lập danh sách các cột điện hiện đang quá tải do hệ thống cáp viễn thông treo trên cột điện gây nghiêng, cong cột, rạn nứt cột, sụp lún, bể móng cột, không đảm bảo kỹ thuật an toàn điện, đơn vị có cột điện phải thông báo cho các đơn vị sử dụng chung cột điện để phối hợp xử lý, cụ thể: làm gọn, tháo dỡ hoặc di ngầm, gia cố móng cột, trồng cột riêng, trồng cột ghép.

2. Khi thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo, bảo trì theo kế hoạch nếu có ảnh hưởng đến hệ thống cáp viễn thông treo trên cột điện thì đơn vị có cột điện phải thông báo trước 10 ngày làm việc cho các đơn vị có sử dụng chung cột điện để cùng phối hợp. Đến ngày thực hiện công tác của đơn vị có cột điện mà vẫn không có sự phối hợp hoặc hệ thống cáp viễn thông treo trên cột điện vẫn chưa được tháo dỡ, di dời trước, thì đơn vị có cột điện vẫn triển khai công tác và được quyền thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 10 của Quy định này.

3. Các đơn vị có sử dụng chung cột điện phải đăng ký thi công sửa chữa, cải tạo hệ thống cáp viễn thông treo trên cột điện trước ít nhất 10 ngày làm việc với đơn vị có cột điện, trừ các trường hợp khẩn cấp hoặc đột xuất phục vụ cho các mục đích an ninh, quốc phòng thì không phải đăng ký nhưng phải báo cáo cho đơn vị có cột điện sau khi thực hiện xong việc thi công sửa chữa, cải tạo hệ thống cáp viễn thông trên cột điện. Đơn vị có cột điện xem xét, nếu công tác

trên không cần cắt điện có thể thỏa thuận để thi công ngay. Nếu công tác trên cần phải cắt điện thì đơn vị có cột điện phải thông báo cho đơn vị có sử dụng chung cột điện thời gian cụ thể để phối hợp thực hiện.

4. Nhằm đảm bảo an toàn lao động, các đơn vị thi công hệ thống cáp viễn thông treo trên cột điện phải đăng ký công tác với đơn vị có cột điện như: đăng ký công tác, nhận và bàn giao hiện trường, kiểm tra, trả phiếu công tác. Các đơn vị có sử dụng chung cột điện phải tổ chức tập huấn kiến thức an toàn điện, trang bị đầy đủ bảo hộ an toàn lao động cần thiết cho nhân viên của mình theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về sự an toàn trong quá trình thi công.

Điều 8. Phối hợp tháo dỡ, di dời cột điện sử dụng chung

1. Đơn vị có cột điện là đầu mối thông báo cho các đơn vị có sử dụng chung cột điện để cùng phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến việc phải tháo dỡ, di dời cột điện để giải phóng mặt bằng.

2. Khi nhận được văn bản của các chủ dự án yêu cầu di dời thu hồi các cột điện sử dụng chung hoặc ngâm hóa lưới điện thì đơn vị có cột điện phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị có sử dụng chung cột điện phối hợp thực hiện di dời đồng bộ theo quy định tại khoản 10 Điều 4 của Quy định này.

3. Đơn vị có cột điện chịu trách nhiệm tháo dỡ, thu hồi các cột điện khi phải di dời và tất cả các cột điện thuộc tài sản của mình đang tồn tại trong phạm vi toàn tỉnh nhưng không còn sử dụng nữa. Trường hợp trên cột điện phải tháo dỡ, di dời còn có hệ thống cáp viễn thông treo trên cột điện nhưng không thể nhận biết được và chủ sở hữu hoặc chủ tài sản không nhìn nhận, thiếu trách nhiệm thì đơn vị có cột điện phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị có sử dụng chung cột điện cũng như thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời phải thống kê, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp giải quyết. Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo mà không nhận được ý kiến phản hồi, đơn vị có cột điện được quyền thực hiện theo khoản 3 Điều 10 của Quy định này.

Điều 9. Xử lý sự cố hệ thống cáp viễn thông treo trên cột điện

Các đơn vị có sử dụng chung cột điện và đơn vị có cột điện phải thiết lập đường dây nóng, cung cấp đầy đủ các số điện thoại liên lạc cần thiết. Khi có sự cố cũng như các tình huống khẩn cấp, trong thời gian sớm nhất các bên phải phối hợp khắc phục ngay.

Điều 10. Cách thức và lộ trình thỏa thuận sử dụng chung cột điện

1. Các đơn vị có sử dụng chung cột điện phải hoàn tất việc thỏa thuận với đơn vị có cột điện về việc sử dụng chung cột điện để treo cáp thông tin cũng như các đơn vị sử dụng chung cột điện có trách nhiệm kiểm tra, thu hồi các hệ thống cáp trên cột điện không còn sử dụng sau 60 ngày kể từ ngày Quy định này có hiệu lực.

2. Đối với những hệ thống cáp viễn thông treo trên cột điện hiện hữu chưa đảm bảo kỹ thuật, an toàn thì đơn vị có cột điện phải tổ chức khảo sát thực tế, bàn bạc thỏa thuận với các đơn vị có sử dụng chung cột điện về hướng khắc phục cải tạo hay tháo bỏ hoàn toàn.

3. Trường hợp các đơn vị có sử dụng chung cột điện nhưng không đăng ký, thỏa thuận với đơn vị có cột điện hoặc thiếu trách nhiệm trong phối hợp giải quyết những bất thường do hệ thống cáp viễn thông treo trên cột điện có thể gây sự cố lưới điện, thì đơn vị có cột điện báo cáo với Sở Thông tin và Truyền thông để chủ trì giải quyết.

Chương III

QUY ĐỊNH CHÍNH TRANG LÀM GỌN CÁP VIỄN THÔNG TREO TRÊN CỘT ĐIỆN

Điều 11. Xây dựng kế hoạch, quy trình chỉnh trang làm gọn cáp viễn thông

1. Hàng năm đơn vị có cột điện xây dựng kế hoạch, quy trình chỉnh trang làm gọn cáp viễn thông treo trên cột điện ở các tuyến đường trong toàn tỉnh, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì triển khai thực hiện.

2. Các đơn vị có sử dụng chung cột điện phối hợp triển khai thực hiện theo kế hoạch, quy trình đã được phê duyệt và theo Quy định này.

Điều 12. Quy định về thẻ nhận diện cáp, thẻ báo hiệu độ cao treo cáp và thứ tự treo cáp trên cột điện

Tất cả cáp viễn thông khi treo trên cột điện bắt buộc phải treo thẻ cáp để nhận diện và báo hiệu, cụ thể như sau:

1. Thẻ nhận diện cáp

a) Vật liệu chế tạo: Mica hoặc kim loại;

b) Kích thước: 05 cm x 08 cm;

c) Nội dung ghi trên thẻ: Ghi theo thứ tự từ trên xuống, gồm:

- Loại cáp: Cáp quang/cáp đồng;

- Tên đơn vị chủ quản: Viết tắt tên đơn vị;

d) Màu nền và màu chữ trên thẻ: Theo tiêu chuẩn, quy định của đơn vị có cáp treo trên cột điện.

2. Biển báo hiệu độ cao: Treo tại các vị trí giao chéo với đường bộ, đường thủy.

a) Vật liệu chế tạo: Mica hoặc kim loại;

b) Kích thước: 15 cm x 24 cm;

c) Nội dung ghi trên thẻ: Ghi khoảng cách tại điểm thấp nhất tới mặt đường bộ, đường thủy. Đơn vị là mét, lấy sau dấu phẩy một đơn vị (ví dụ: 5,5 mét);

d) Trong trường hợp đơn vị có cáp viễn thông phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng cần giữ bí mật, đơn vị đó có thể mã hóa hoặc dùng các ký hiệu màu sắc khác để thể hiện các thông tin được quy định tại khoản 1 Điều này (gọi chung là ký hiệu khác). Ký hiệu khác này được ban hành dưới dạng bảo mật và chỉ những người có trách nhiệm được biết.

Điều 13. Quy định phương pháp bó cáp và treo thẻ nhận diện cáp viễn thông treo trên cột điện

1. Tại các vị trí cột điện

a) Đối với cáp dự phòng tại các vị trí cột điện, cáp phải được quấn vào các khung quấn cáp chuyên dùng và bắt chắc chắn vào thân cột (khung cáp dự phòng được bắt vào cột điện bằng các cổ dê, không được dùng bu lông xỏ qua lỗ leo cột điện).

b) Tại các vị trí cột đặc biệt trên lưới điện như: Cột có lắp các thiết bị, trạm biến áp, cột dừng, cột góc, cột vượt, đơn vị có cột điện sẽ có thỏa thuận và thống nhất cách thực hiện riêng tại từng vị trí với các đơn vị sử dụng khi khảo sát hiện trường.

2. Tại các vị trí dọc theo tuyến cáp viễn thông

Tại các vị trí dọc theo tuyến cáp cách cột 01 mét, các đơn vị chủ quản cáp phải bó cáp viễn thông của đơn vị mình thành bó riêng, khoảng cách giữa các mối bó cáp kề nhau ≤ 05 mét. Trường hợp cáp viễn thông treo mới cũng phải thực hiện bó gọn vào bó cáp hiện hữu.

a) Đối với vị trí ít cáp viễn thông (≤ 03 sợi) không treo gông, các đơn vị Viễn thông bó riêng cáp của đơn vị mình;

b) Đối với các vị trí cột có cáp của từ 03 đơn vị Viễn thông trở lên thì các cáp này sau khi nhận diện và bó lại theo từng đơn vị còn được bó chung thành một bó cáp bằng gông bó cáp chuyên dùng, do đơn vị chủ quản cột treo cáp thực hiện.

3. Treo thẻ nhận diện cáp

Tại các khoảng cách tối đa 300 mét, tại vị trí néo và vị trí nối cáp, tuyến cáp phải được treo thẻ nhận diện cáp theo đúng bản vẽ sơ đồ tổ chức mạng viễn thông, sơ đồ mặt bằng chi tiết. Thẻ nhận diện cáp được treo cố định vào bó cáp cách thân cột $\geq 0,5$ mét, thẻ này có kích thước và màu sắc thống nhất theo Quy định này.

Điều 14. Độ võng tối thiểu

1. Độ võng tối thiểu của cáp treo trên cột điện phải được tính toán và tuân thủ quy định tại QCVN 33:2011 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông.

2. Nếu tính toán độ võng tối thiểu (được quy định tại khoản 1 Điều này) mà vi phạm các quy định, yêu cầu về an toàn điện thì việc tính toán độ võng tối thiểu

này phải tuân theo mục: II.4.48; II.4.49; II.4.50 chương II.4, phần II của Quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành Quy phạm trang bị điện.

3. Các đơn vị sử dụng cột điện có trách nhiệm nghiên cứu, thực hiện theo đúng các quy định, yêu cầu về an toàn điện.

Chương IV

TỔ CHỨC THI CÔNG

Điều 15. Các yêu cầu về an toàn khi tổ chức thi công

1. Trước khi đơn vị thi công treo cáp viễn thông phải có phương án tổ chức thi công được đơn vị có cột điện chấp thuận, đồng thời lập phiếu công tác theo mẫu của đơn vị có cột điện.

2. Khi thực hiện treo cáp viễn thông trên cột điện phải tuân thủ các quy định về an toàn điện trong Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn điện, Quy phạm trang bị điện và Luật Điện lực.

3. Kết thúc công việc phải tiến hành thu hồi hết dụng cụ thi công và bàn giao mặt bằng thi công cho đơn vị có cột điện.

4. Đảm bảo an toàn cho vận hành lưới điện, khi lắp đặt các phụ kiện treo cáp, kéo cáp và hộp cáp; tuyệt đối không được đục thân cột, không được tác động xung lực vào thân cột.

5. Khi đào móng cột điện để gia cường thêm móng phải có biện pháp ngăn ngừa cột điện bị đổ, phải làm cây chống hoặc dây chằng tạm cho cột.

6. Khi kéo cáp qua đường phải có biện pháp cảnh giới giao thông để không xảy ra tai nạn và sinh ra xung lực làm nghiêng và có thể gãy cột.

7. Trước khi kéo cáp viễn thông lên cột điện phải thực hiện xong các hạng mục thi công về gia cường cột, về gia cường móng cột, về lắp dây chằng cột dừng, cột góc để đảm bảo an toàn khi thi công kéo cáp.

8. Khi thực hiện kéo và bó cáp viễn thông phải ưu tiên giữ gìn và bảo tồn cây xanh hiện hữu.

Điều 16. Nghiệm thu

1. Đơn vị sử dụng chung cột điện sau khi hoàn thành công trình phải chủ động phối hợp với đơn vị có cột điện để thực hiện công tác nghiệm thu, kiểm đếm số lượng cột điện sử dụng.

2. Việc nghiệm thu được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Chương V

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Thanh tra và kiểm tra

1. Các hoạt động sử dụng chung cột điện, hoạt động chính trang làm gọn cáp viễn thông treo trên cột điện trên địa bàn tỉnh đều phải chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo từng lĩnh vực quản lý.

2. Các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thường xuyên tổ chức việc thanh tra, kiểm tra định kỳ mỗi năm một lần và đột xuất việc chấp hành Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính trong lĩnh vực điện lực, thông tin truyền thông, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Điều 19. Sở Thông tin và Truyền thông

Giao Sở Thông tin và truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, các đơn vị có cột điện, các đơn vị sử dụng chung cột điện và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quy định này.

Điều 20. Đơn vị có cột điện

1. Đơn vị có cột điện quản lý chặt chẽ vấn đề cáp viễn thông treo trên cột điện.

2. Chịu trách nhiệm lập hồ sơ quản lý các tuyến cột điện có treo cáp viễn thông với các nội dung: Đơn vị sử dụng cột điện; chủng loại và số lượng từng loại cáp treo trên cột điện; điểm đầu - điểm cuối của tuyến cáp viễn thông; văn bản thoả thuận sử dụng chung cột điện; đơn vị hoặc cá nhân được giao trách nhiệm quản lý cáp viễn thông treo trên cột điện.

3. Định kỳ hàng tháng kiểm tra các tuyến cáp viễn thông treo trên cột điện để cập nhật các thông tin: Tình trạng hiện tại của tuyến cáp viễn thông treo trên cột điện; số lượng cáp viễn thông phát sinh mới của đơn vị sử dụng cột điện; số lượng cáp viễn thông phát sinh mà không xác định được chủ thể. Báo cáo và đề xuất cấp có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Sở Thông tin và Truyền thông) để xử lý những vấn đề phát sinh trong công tác quản lý cáp viễn thông treo trên cột điện.

4. Thông báo và yêu cầu đơn vị sử dụng cột điện thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn điện theo quy định của pháp luật, của Quy định này và theo quy định của đơn vị có cột điện.

5. Kiểm tra, tính toán khả năng chịu lực và tải trọng an toàn của cột điện trước khi tiến hành cho treo cáp viễn thông.

6. Trường hợp phát hiện cáp viễn thông treo trên cột điện gây mất an toàn cho cộng đồng hoặc hệ thống điện, đơn vị có cột điện phối hợp với chính quyền địa phương để tháo dỡ kịp thời, đồng thời có văn bản thông báo

cho đơn vị chủ sở hữu tuyến cáp viễn thông đó biết. Trường hợp khẩn cấp thì thông báo qua đường dây nóng.

Trường hợp khẩn cấp nguy cơ gây mất an toàn nghiêm trọng thì đơn vị có cột điện có trách nhiệm xử lý ngay, lập biên bản và tiến hành tháo dỡ để đảm bảo an toàn và không chịu trách nhiệm liên quan về việc mất tín hiệu của tuyến cáp thông tin. Sau đó mời đơn vị chủ sở hữu tuyến cáp liên quan để phối hợp giải quyết và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông) biết.

7. Có trách nhiệm đưa các quy định về quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên, các yêu cầu về kỹ thuật, trình tự quy định treo cáp viễn thông của Quy định này vào nội dung thoả thuận để hai bên cam kết và thực hiện.

8. Thông báo thời gian khởi công công trình làm gọn cáp viễn thông để các đơn vị có cáp viễn thông phối hợp thực hiện và báo cáo chính quyền địa phương theo dõi, hỗ trợ.

Điều 21. Đơn vị sử dụng chung cột điện

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn điện và theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Tự chịu trách nhiệm về các mất mát hư hỏng đối với cáp viễn thông của mình treo trên cột điện.

3. Có trách nhiệm tháo dỡ cáp viễn thông của mình nếu thấy có nguy cơ gây mất an toàn cho cộng đồng hoặc hệ thống điện. Nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc tháo dỡ cáp viễn thông ảnh hưởng đến an toàn cho cộng đồng và hệ thống điện thì đơn vị có cột điện được quyền phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng thực hiện tháo dỡ tuyến cáp viễn thông đó mà không chịu trách nhiệm về việc mất mát, hư hỏng cáp viễn thông và việc gián đoạn thông tin liên lạc.

4. Có trách nhiệm thực hiện những thoả thuận liên quan đến việc treo cáp viễn thông trên cột điện với đơn vị có cột điện.

5. Treo cáp viễn thông trên cột điện khi có sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị có cột điện và đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan.

6. Tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của Quy định này và các thoả thuận khác có liên quan.

7. Thực hiện các công tác bao gồm: Nhận diện cáp, bó cáp, treo thẻ nhận diện cáp và biển báo độ cao treo cáp.

8. Tháo dỡ, thu hồi các tuyến cáp thông tin của đơn vị mình không còn sử dụng đang treo trên cột điện.

9. Phối hợp với đơn vị có cột điện thực hiện trong công tác làm gọn cáp: Đưa cáp vào gông, giá đỡ sau khi đơn vị có cột điện đã hoàn tất lắp đặt các gông, khung quần cáp.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin Truyền thông) xem xét, giải quyết hoặc đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



Võ Thành Hạo